

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục

Trường Tiểu học Giao Lạc

2. Địa chỉ: Giao Lạc – Xã Giao Hòa – Tỉnh Ninh Bình

Điện thoại: 0986707573

Website: <https://thgiaolac.edu.vn/>

3. Loại hình: Trường Tiểu học công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND xã Giao Hòa, tỉnh Ninh Bình

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường

+ Sứ mệnh: Tạo dựng môi trường thân thiện, hợp tác, chia sẻ cùng tiến bộ, năng động, sáng tạo, có trách nhiệm và chất lượng cao.

+ Tầm nhìn: Có uy tín giáo dục đối với cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội, học sinh được phát triển trong môi trường thân thiện, hiện đại.

Hệ thống giá trị cơ bản: Đoàn kết, chia sẻ, nhân ái, trung thực; Kỷ cương, nề nếp, văn minh; Sáng tạo, chủ động, thích ứng; Hội nhập, khát vọng vươn lên.

+ Mục tiêu chung: Xây dựng nhà trường có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phấn đấu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường

Trường Tiểu học Giao Lạc là đơn vị sự nghiệp thuộc UBND xã Giao Hòa, tỉnh Ninh Bình, có chức năng giảng dạy và tham mưu, giúp UBND xã Giao hòa thực hiện chức năng quản lý nhà nước về Giáo dục và đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục xã Giao Hòa nói riêng và tỉnh Ninh Bình nói chung.

Tiểu học Giao Lạc trước đây là trường Cấp 1-2 Giao Lạc, được thành lập cuối thập niên 50 của Thế kỷ 20. Đến tháng 7 năm 1990, trường Tiểu học được tách ra

từ trường Phổ thông cơ sở cấp 1-2 Giao Lạc, và tên “Trường Tiểu học Giao Lạc” gắn với mái trường từ đó đến nay. Từ những năm đầu tách trường, trường Tiểu học Giao Lạc luôn quan tâm phát triển cả về cơ sở vật chất và chất lượng giáo dục. Được sự quan tâm của các cấp, các ngành, sự ủng hộ của cha mẹ học sinh và nhân dân địa phương, cơ sở vật chất nhà trường ngày càng được hoàn thiện khang trang, đủ điều kiện phục vụ cho công tác dạy và học. Với tổng diện tích là 12400 m², có đủ các hạng mục như: phòng học; phòng phụ trợ, phòng chức năng... được xây dựng kiên cố; vườn trường, sân chơi, bãi tập và các phòng chức năng với các trang thiết bị đầy đủ tạo điều kiện cho học sinh học tập và vui chơi.

Nhờ có sự quan tâm của các ngành, các cấp đến nay nhà trường đã có nhiều thay đổi: Cảnh quan nhà trường thêm khang trang, sạch, đẹp; các thiết bị phục vụ dạy học được bổ sung hằng năm, đến nay tương đối đầy đủ.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Người đại diện pháp luật: Ông Trần Văn Phong Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường tiểu học Giao Lạc, xã Giao Hòa, tỉnh Ninh Bình

Số điện thoại: 0986707573 Gmail: phonggx@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sát nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu cơ sở giáo dục (nếu có)

Trường cấp I Giao Lạc được thành lập năm 1954 sau nhiều lần sát nhập thì đến tháng 7 năm 1900 trường Tiểu học Giao Lạc chính thức được tách riêng biệt đến thời điểm hiện nay theo quyết định số 129 - QĐ - UB ngày 20 tháng 07 năm 1990 của Ủy ban nhân dân huyện Xuân Thủy.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Hội đồng trường trường Tiểu học Giao Lạc theo Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 13/08/2025 của UBND xã Giao Hòa gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Trần Văn Phong	Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng	
2	Phạm Thị Thảo	Trưởng phòng VH-XH	

3	Trần Thị Doan	Phó Bí thư CB- Phó Hiệu trưởng	
4	Đặng Thị Thục An	Tổ trưởng tổ 4&5	
5	Phạm Thị Quy	Tổ trưởng tổ 2&3	
6	Bùi Minh Tài	Bí thư Đoàn trường	
7	Nguyễn Thị Huệ	Tổ trưởng tổ 1	
8	Phạm Văn Đồng	Tổ trưởng VP	
9	Đinh Huy Hoàng	Tổng phụ trách Đội	
10	Nguyễn Thị Hằng	Thư ký Hội đồng	
11	Trần Văn Lưu	Trưởng ban đại diện CMHS	

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trường Tiểu học Giao Lạc:

Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 15/8/2025 của UBND xã Giao Hòa về việc bổ nhiệm lại hiệu trưởng trường tiểu học Giao Lạc.

Quyết định số 5554/QĐ-UBND ngày 06/10/2023 của UBND huyện Giao Thủy về việc điều động và bổ nhiệm chức vụ phó hiệu trưởng trường Tiểu học Giao Lạc.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Tiểu học Giao Lạc

+ Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

+ Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

+ Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

+ Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân

chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:

Trường Tiểu học Giao Lạc là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND xã Giao Hòa, tỉnh Ninh Bình. Địa điểm trường có vị trí địa lý thuận lợi, giao thông thuận tiện, khung cảnh đẹp, có điều kiện để xây dựng trường trở thành một trường Tiểu học trọng điểm của địa bàn xã Giao Hòa

- + Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- + Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và cá nhân trong các hoạt động giáo dục.

- + Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý HS theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- + Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục, xóa mù chữ trong phạm vi được phân công.

- + Tổ chức cho giáo viên (GV), nhân viên (NV), HS tham gia các hoạt động xã hội.

- + Quản lý GV, NV theo quy định của pháp luật.

- + Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục (HĐGD) theo quy định của pháp luật.

- + Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVCh), trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

- + Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng GD, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- + Thực hiện công khai về cam kết chất lượng GD, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- + Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường

- + 01 Hội đồng trường với 11 thành viên.

- + 01 Hiệu trưởng và 01 phó Hiệu trưởng.

- + 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

+ Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).
+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 28 đảng viên trong đó có 2 dự bị.

- + Tổ chức Đoàn đội: có 31 chi đội.
- + Ban đại diện CMHS: 31 người
- + Các tổ chuyên môn: 03 tổ chuyên môn.

đ) Quyết định thành lập, sát nhập, chia tách, giải thể các đơn vị trực thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có). Không

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Trần Văn Phong	Hiệu trưởng	0986707573	phonggx@gmail.com
2	Trần Thị Doan	P. Hiệu trưởng	0984641343	trandoan1979@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: Trường tiểu học Giao Lạc, xã Giao Hòa, tỉnh Bình Bình

II. Các văn bản của cấp trên và của cơ sở giáo dục

- Căn cứ vào nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04-11-2013 về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục Việt Nam theo hướng CNH-HĐH, xã hội hóa, dân chủ hóa trong ĐK kinh tế thị trường và hội nhập Quốc tế; thực hiện NQ số 33-NQ/TW ngày 09-6-2014 về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; thực hiện các NQ của tỉnh, của huyện;

- Căn cứ Nghị quyết 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 về đổi mới chương trình sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

- Căn cứ Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

- Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ GD&ĐT ban hành CTGDPT;

- Căn cứ công văn 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường;

- Công văn số 3898/BGDĐT-GDTH ngày 30/7/2024 của Bộ GD&ĐT hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2024-2025;

Căn cứ công văn số 4555/BGDĐT-GDTH ngày 05/08/2025 của Bộ GD&ĐT hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2024-2025;

Căn cứ Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 18/8/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tỉnh Nam Định;

- Căn cứ Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ trường Trường Tiểu học;

- Căn cứ Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

- Thông tư 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ GD&ĐT ban hành quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra, công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục xóa mù chữ;

- Căn cứ thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học; CV số 5932/BGDĐT-QLCL V/v hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông;

- Căn cứ Thông tư thông tư 27/2020/TT-BGD-ĐT ngày 04/9/2020 về việc quy định đánh giá HS TH của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Kế hoạch số 31/KH-THGL ngày 30/8/2025 của trường TH Giao Lạc về Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026;

- Kế hoạch số 32/KH-THGL ngày 30/8/2025 của trường TH Giao Lạc về Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025-2026;

- Kế hoạch số 35/KH-THGL ngày 09/09/2025 của trường TH Giao Lạc về Kế hoạch công khai.

- Kế hoạch số 37a/KH-THGL ngày 15/9/2025 của trường TH Giao Lạc về các cuộc vận động và phong trào thi đua năm học 2025-2025;

- Căn cứ vào kết quả các năm học cùng thực trạng các điều kiện nhiệm vụ của nhà trường, của địa phương.

III. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN (Tính đến thời điểm 1/6/2026)

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	44	0	0	40	3	1	0	1	36	7	2			

I	Giáo viên	40	0	0	37	3			0	36	4	16	24		
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:	10			10					9	1	11	20		
1	Tiếng dân tộc														
2	Ngoại ngữ	3			3					3		2	0		
3	Tin học	1			1					1			1		
4	Âm nhạc	2			2					2		1	1		
5	Mỹ thuật	2			2					2		1	1		
6	GDTC	2			2					1	1	1	1		
II	Cán bộ quản lý	2			2						2				
1	Hiệu trưởng	1			1						1	1			
2	Phó hiệu trưởng	1			1						1	1			
III	Nhân viên	2			1		1		1	1					
1	Nhân viên văn thư														
2	Nhân viên kế toán	1			1					1					
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1					1		1						
5	Nhân viên thư viện														
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm														
7	Nhân viên công nghệ thông tin														
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														
9	...														

Về bồi dưỡng thường xuyên kết quả như sau:

- Tổng số CBQL, giáo viên hoàn thành BDTX năm học 2025 – 2026 của trường: 42/42, Tỷ lệ: 100%. Trong đó: Đạt (Hoàn thành): 42/42 = 100%; Chưa đạt (chưa hoàn thành): 0/42 = 0%

II. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Trường, lớp phù hợp tạo điều kiện cho trẻ em đi học thuận lợi.

- Phòng học: 31 phòng/31 lớp, an toàn, có bảng, đủ bàn 2 chỗ, ghế 1 chỗ đúng qui cách cho học sinh, GV; đủ ánh sáng, thoáng mát về mùa hè, ấm về mùa đông; có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học; có các phương tiện hiện đại như tivi, máy tính, mạng internet, loa...có điều kiện tối thiểu dành cho HS khuyết tật học tập

thuận lợi.

- Có các phòng chức năng theo quy định và trong phòng có đủ các phương tiện thiết bị cần thiết để phục vụ cho hoạt động dạy học và giáo dục trong nhà trường.

- Có sân chơi, sân tập với tổng diện tích chiếm trên 30%.

- Có cổng, tường bao, nguồn nước sạch, hệ thống thoát nước, có khu để xe, khu vệ sinh sạch sẽ, thuận tiện dành cho nam, nữ, HS, GV; đảm bảo môi trường xanh-sạch-đẹp-an toàn và thân thiện; không có hàng quán, nhà ở trong trường.

Sau đây là bảng minh chứng cho thông tin cơ sở vật và tài liệu học tập sử dụng chung bao gồm:

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
a)	Điểm trường, diện tích		
1	Số điểm trường lẻ	1	-
2	Tổng diện tích đất (m ²)	10305	10,2 m ² /1HS vượt quy định cũ, Chưa đạt so với diện tích dự kiến của tỉnh Ninh Bình
3	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	3700	Đáp ứng yêu cầu
4	Tổng diện tích các phòng		
4.1	Diện tích phòng học (m ²)	1400	Đáp ứng yêu cầu
4.2	Diện tích thư viện (m ²)	100	Đáp ứng yêu cầu
4.3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	250	Đáp ứng yêu cầu
4.4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	50	Đáp ứng yêu cầu
4.5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	50	Đáp ứng yêu cầu
4.6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	50	Đáp ứng yêu cầu
4.7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	24	Đáp ứng yêu cầu
4.8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	24	Đáp ứng yêu cầu
4.9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	50	Đáp ứng yêu cầu
b)	Số lượng, khối phòng học		
1	Số phòng học/số lớp	31/31	Số m ² /học sinh
2	Loại phòng học		-
2.1	Phòng học kiên cố	31/31	1 phòng/ đủ theo quy định
2.2	Phòng học bán kiên cố		-
2.3	Phòng học tạm		-
2.4	Phòng học nhờ, mượn		-
c)	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp

1	Tổng số bộ thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định					
1.1	Khối lớp 1		7	35		
1.2	Khối lớp 2		6	35		
1.3	Khối lớp 3		7	35		
1.4	Khối lớp 4		5	35		
1.5	Khối lớp 5		6	35		
2	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		17	Số học sinh/bộ 2/HS/bộ		
2.1	Tổng số thiết bị dùng chung khác			Số thiết bị/lớp		
2.2	Ti vi		35	1		
2.3	Cát xét					
2.4	Đầu Video/đầu đĩa		1			
2.5	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		0			
2.6	Thiết bị khác...					
3	Nhà bếp		0			
4	Nhà ăn		0			
5	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú		0			
6	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
6.1	Đạt chuẩn vệ sinh*	X		X		0,2
6.2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					
7	Nội dung		Có		Không	
	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh		X			
8	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		X			
9	Kết nối internet		X			
10	Trang thông tin điện tử (website) của trường		X			
11	Tường rào xây		X			

d) Danh mục SGK sử dụng trong cơ sở giáo dục

Trường Tiểu học Giao Lạc đã ra Thông báo số 63/TB- THGL ngày 30/05/2026 về việc ra thông báo Danh mục sách giáo khoa lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5 của trường tiểu học Giao Lạc, xã Giao Hòa, tỉnh Ninh Bình theo quyết định số 3588 của Bộ GD&ĐT thống nhất bộ sách giáo sử dụng chung Toàn quốc từ năm học 2026-2027 như sau:

DANH MỤC
Sách giáo khoa thuộc bộ sách giáo khoa giáo dục phổ thông
sử dụng thống nhất toàn quốc từ năm học 2026-2027

Trường Tiểu học Giao Lạc sử dụng trong năm học 2026-2027
(Kèm theo TB số: 63/TB-THGL ngày 30 tháng 5 năm 2026)

STT	Tên sách	Tác giả
LỚP 1		
1.	Tiếng Việt 1, tập một	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Ngân Hoa, Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan
	Tiếng Việt 1, tập hai	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Vũ Kim Bảng, Trịnh Cẩm Lan, Chu Thị Phương, Trần Kim Phụng, Đặng Thị Hảo Tâm
2.	Toán 1, tập một	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Bùi Bá Mạnh
	Toán 1, tập hai	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Bùi Bá Mạnh
3.	Đạo đức 1	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Lê Thị Tuyết Mai, Lục Thị Nga
4.	Tự nhiên và Xã hội 1	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Than (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Hoàng Quý Tĩnh
5.	Giáo dục thể chất 1	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Lê Anh Thơ (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương
6.	Âm nhạc 1	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân
7.	Mĩ thuật 1	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biễn (Chủ biên), Phạm Duy Anh
8.	Hoạt động trải nghiệm 1	Bùi Sỹ Tụng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên), Vũ Thị Lan Anh, Lê Thị Luận, Trần Thị Thu
LỚP 2		

9.	Tiếng Việt 2, tập một	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Mạnh Hùng, Trần Thị Hiền Lương (Đồng Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Trần Kim Phụng
	Tiếng Việt 2, tập hai	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Mạnh Hùng, Trần Thị Hiền Lương (Đồng Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Trịnh Cẩm Lan, Chu Thị Phương, Đặng Thị Hảo Tâm
10.	Toán 2, tập 1	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng
	Toán 2, tập 2	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng
11.	Đạo đức 2	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Lê Thị Tuyết Mai
12.	Tự nhiên và Xã hội 2	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Than (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Phạm Việt Quỳnh, Hoàng Quý Tĩnh
13.	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Duy Quyết, Hồ Đắc Sơn (đồng Tổng Chủ biên), Lê Anh Thơ (Chủ biên), Nguyễn Thị Hà, Đỗ Mạnh Hùng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Nguyễn Thành Trung, Nguyễn Duy Tuyền, Phạm Mai Vương
14.	Âm nhạc 2	Hoàng Long (đồng Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Phương Mai, Trần Thị Kim Thăng, Nguyễn Thị Thanh Vân
15.	Mĩ thuật 2	Đoàn Thị Mỹ Hương, Đinh Gia Lê (đồng Tổng Chủ biên), Trần Thị Biển (Chủ biên), Phạm Duy Anh, Bạch Ngọc Diệp, Trần Thị Thu Trang, Bùi Quang Tuấn
16.	Hoạt động trải nghiệm 2	Lưu Thu Thủy (đồng Tổng Chủ biên), Bùi Sỹ Tụng (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (đồng Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình (đồng Chủ biên), Vũ Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Lê Thị Luận, Trần Thị Tố Oanh, Trần Thị Thu

LỚP 3		
17.	Tiếng Việt 3, tập một	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Trần Kim Phụng
	Tiếng Việt 3, tập hai	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Lê Hằng, Vũ Thị Lan, Đặng Thị Hảo Tâm
18.	Toán 3, tập một	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh
	Toán 3, tập hai	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh
19.	Tiếng Anh 3 Global Success, tập một	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Phan Hà (Chủ biên), Nguyễn Thị Hải Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Quốc Tuấn
	Tiếng Anh 3 Global Success, tập hai	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Phan Hà (Chủ biên), Nguyễn Thị Hải Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Quốc Tuấn
20.	Đạo đức 3	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Nguyễn Thị Việt Hà
21.	Tự nhiên và Xã hội 3	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Than (Chủ biên), Phan Thanh Hà, Đào Thị Hồng, Nguyễn Hồng Liên, Nguyễn Thị Thanh Thủy
22.	Tin học 3	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng, Đặng Bích Việt
23.	Công nghệ 3	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Lê Xuân Quang, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trịnh

24.	Giáo dục thể chất 3	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương
25.	Âm nhạc 3	Hoàng Long (đồng Tổng Chủ biên), Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật
26.	Mĩ thuật 3	Nguyễn Xuân Nghi (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biển, Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Bạch Ngọc Diệp, Trần Thị Thu Trang
27.	Hoạt động trải nghiệm 3	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh
LỚP 4		
28.	Tiếng Việt 4, tập một	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan
	Tiếng Việt 4, tập hai	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phụng, Đặng Thị Hảo Tâm
29.	Toán 4, tập một	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh
	Toán 4, tập hai	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng
30.	Tiếng Anh 4 Global Success, tập một	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Minh Tuấn
	Tiếng Anh 4 Global Success, tập hai	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Minh Tuấn

31.	Đạo đức 4	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên) Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung`
32.	Lịch sử và Địa lí 4	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Đoàn Thị Thanh Phương
33.	Khoa học 4	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Diệu Nga, Đào Thị Sen, Triệu Anh Trung
34.	Tin học 4	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên) Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng
35.	Công nghệ 4	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Đồng Huy Giới, Dương Giáng Thiên Hương, Bùi Thị Thu Hương, Nguyễn Bích Thảo
36.	Giáo dục thể chất 4	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương
37.	Mĩ thuật 4	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biển, Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trần Thị Thu Trang
38.	Âm nhạc 4	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga
39.	Hoạt động trải nghiệm 4	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh
LỚP 5		

40.	Tiếng Việt 5, tập một	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phượng
	Tiếng Việt 5, tập hai	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Đặng Thị Hảo Tâm
41.	Toán 5, tập một	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng
	Toán 5, tập hai	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng
42.	Tiếng Anh 5 Global Success, tập một	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Trần Hương Quỳnh (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Nguyễn Minh Tuấn, Nguyễn Quốc Tuấn
	Tiếng Anh 5 Global Success, tập hai	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Trần Hương Quỳnh (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Nguyễn Minh Tuấn, Nguyễn Quốc Tuấn
43.	Đạo đức 5	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung
44.	Lịch sử và Địa lí 5	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Dương Thị Oanh
45.	Khoa học 5	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Hà Thị Lan Hương, Nguyễn Thị Hồng Liên, Ngô Diệu Nga, Nguyễn Thị Thanh Phúc, Đào Thị Sen
46.	Tin học 5	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hà Đặng Cao Tùng
47.	Công nghệ 5	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trịnh

48.	Giáo dục thể chất 5	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng (Chủ biên), Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương
49.	Âm nhạc 5	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga
50.	Mĩ thuật 5	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biển, Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trần Thị Thu Trang
51.	Hoạt động trải nghiệm 5	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh

(Danh sách này gồm 51 bản SGK)

Về danh mục tài liệu tham khảo theo nhu cầu của học sinh và phụ huynh tự nguyện đăng ký để tự học

III. THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC:

Thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia Nhà trường tiếp tục thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục và kiểm tra công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia theo quy định tại Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học, Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28/12/2018 hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông; Năm học 2026- 2027 nhà trường có xây dựng kế hoạch, tập hợp minh chứng, tiến hành tự đánh giá ngoài , xây dựng kế hoạch cải tiến, đến nay trường TH Giao Lạc vẫn duy trì và giữ vững trường kiểm định chất lượng cấp độ 3.

+ Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

+ Hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để khắc phục

những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày được nâng lên. Cụ thể:

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	
Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X	X	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	X
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	
Tiêu chí 3.5		X	X	X
Tiêu chí 3.6		X	X	X
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X

Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	X
Tiêu chí 5.4		X	X	X
Tiêu chí 5.5		X	X	X

1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí (Khoản, Điều)	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1		X	
Tiêu chí 2		X	
Tiêu chí 3	X		
Tiêu chí 4		X	
Tiêu chí 5	X		

Kết quả: Đạt mức 3

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học 2026- 2027

a) Kế hoạch tuyển sinh năm học

+ Đối tượng xét tuyển:

- Tất cả học sinh đúng độ tuổi có nguyện vọng vào trường học tập.
- Trẻ khuyết tật diện hòa nhập (độ tuổi có thể cao quy định)

+ Chỉ tiêu xét tuyển

- Khối 1: 6 lớp; Khối 2: 7 lớp, Khối 3: 6 lớp , Khối 4: 7 lớp, Khối 5: 5 lớp

+ Thời gian xét tuyển cuối tháng đầu năm học, cuối kỳ I, cuối năm học

+ Hình thức xét tuyển: Trực tiếp

b) Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục

Tiếp tục phát huy và nâng cao chất lượng HS đại trà, năng khiếu, các mũi nhọn, hoạt động ngoài giờ lên lớp...phần đầu xếp top đầu của huyện. Chỉ tiêu phần đầu trong năm học

- Các nội dung đánh giá về năng lực, phẩm chất học sinh đạt từ 99,5% trở lên đạt loại tốt và đạt.

- Xếp loại mức độ từng môn học và các hoạt động giáo dục.

+ Hoàn thành tốt: 55 % trở lên

+ Chưa hoàn thành: không quá 0,5%

+ Còn lại là Hoàn thành:

- Tổng hợp kết quả giáo dục cuối năm học:

+ Hoàn thành xuất sắc 55% trở lên

+ Chưa hoàn thành: không quá 0,5%

+ Còn lại là Hoàn thành tốt và Hoàn thành

- Lớp 1, 2, 3, 4: 99,5% trở lên học sinh hoàn thành chương trình lớp học

- Lớp 5 hoàn thành chương trình Tiểu học 100%

- Các cuộc thi, giao lưu như: Tài năng Tiếng Anh, Tiếng Anh, IOE, TDTT, PTNL, cảnh quan môi trường, cơ sở vật chất, cuộc thi khác... được xếp thứ 1 của xã có HS đạt giải cấp cụm cấp Tỉnh. Thi chữ đẹp, toán tuổi thơ, các cuộc giao lưu tự nguyện phần đầu nhiều HS đạt giải tỉnh để được điểm thi đua.

- Khen thưởng cuối năm: Chọn khoảng 30% trong số học sinh đạt mức HS hoàn thành xuất sắc (tặng danh hiệu Học sinh Xuất sắc); 15% số HS được đánh giá kết quả giáo dục đạt mức Hoàn thành tốt, đồng thời có thành tích xuất sắc về ít nhất một môn học hoặc có tiến bộ rõ rệt ít nhất một phẩm chất, năng lực; được tập thể lớp công nhận (danh hiệu Học sinh Tiêu biểu hoàn thành tốt trong học tập và rèn luyện) tặng giấy khen và phần thưởng, Khen thưởng đột xuất: học sinh có thành tích đột xuất trong năm học.

c) Quy chế phối hợp giữa các cơ sở giáo dục với gia đình, xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh.

Trong năm học qua, nhà trường luôn coi trọng việc xây dựng và thực hiện Quy chế phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong công tác chăm sóc, giáo dục học sinh tiểu học. Nhà trường thường xuyên tổ chức các cuộc họp phụ huynh, gặp gỡ, trao đổi với cha mẹ học sinh để kịp thời nắm bắt tình hình học tập, sức khỏe, tâm lý và các biểu hiện đặc biệt của các em. Ngoài ra, nhà trường còn phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể như Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Khuyến học, Hội cựu giáo chức... để tổ chức các hoạt động trải nghiệm, vui chơi, rèn luyện kỹ năng sống và giáo dục đạo đức cho học sinh. Các hoạt động phối hợp này đã góp phần tạo nên môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, giúp học sinh phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, tình cảm và kỹ năng. Sự gắn kết giữa nhà trường, gia đình và xã hội là yếu tố quan trọng giúp nâng cao chất lượng giáo dục và tạo điều kiện tốt nhất cho học sinh học tập, rèn luyện.

d) Chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh

Nhà trường đã triển khai nhiều chương trình và hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho học sinh phát triển toàn diện. Về rèn luyện kỹ năng, học sinh được tham gia các buổi sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp theo chủ điểm, các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, giáo dục kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi. Nhà trường phối hợp với các tổ chức đoàn thể tổ chức các cuộc thi, hội thi như: Vẽ tranh, Kể chuyện, Rung chuông vàng, Giao lưu học sinh tiểu học... để học sinh thể hiện năng lực, phát triển sở trường. Các hoạt động thể dục thể thao, văn nghệ cũng được chú trọng, giúp học sinh rèn luyện sức khỏe, tinh thần đoàn kết và sự tự tin trong giao tiếp. Tất cả các hoạt động đều được xây dựng phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi tiểu học, tạo môi trường học đường thân thiện, tích cực.

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế

a) Kết quả tuyển sinh

Năm học 2026 - 2027 trường có 1002 học sinh biên chế thành 31 lớp. Cụ thể như sau:

Khối	Số lớp	Số HS	Nữ	Tỉ lệ HS/ lớp	Số HS D. tộc	Số HS học 2 buổi /ngày	HS KT	Con TB, LS	Con hộ		Ghi chú
									Nghề o	cận nghề o	
1	7	232	126	32,7	2	232	0	0	1	1	
2	6	195	95	32,3	0	195	3	0	0	0	
3	7	222	106	31,6	0	222	5	0	2	3	
4	5	177	92	35,2	0	177	3	0	1	4	
5	6	182	91	30,3	0	182	4	0	0	5	

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ GD và ĐT, thông kê số học sinh lên lớp, học sinh không được lên lớp

Kết quả học tập và rèn luyện của học sinh được cụ thể (Qua bảng đính kèm)

Kết quả các hội thi, cuộc thi như sau: Năm học 2025-2026

1) Hội thi giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp xã năm 2026 có đồng chí Phan Thị Hoài Chinh tham dự đạt giải Nhất

2) Hội thi báo cáo viên tuyên truyền giỏi cấp xã cử đồng chí Bùi Thị Duyên

tham dự

3) Thi T.Anh IOE qua mạng có 4 HS đạt giải cấp tỉnh:

Biểu dương đội tuyển do cô Phạm Thị Phụng và cô Bùi Thị Thuận phụ trách.

4) Phong trào “Giữ vở sạch, viết chữ đẹp” Các lớp duy trì tốt. Kết quả đánh giá viết chữ đúng, chữ đẹp cấp trường có 78 HS đạt giải (trong đó 21 giải nhất, 20 giải nhì, 19 giải ba và 18 giải KK)

* Em Trần Tú Anh học sinh lớp 3D đạt giải KK cấp Tỉnh.

Biểu dương các thầy cô giáo bồi dưỡng luyện viết CD - CD có HS dự thi cấp tỉnh và đạt giải cấp tỉnh như cô Bùi Thị Duyên và cô Phạm Thị Huệ.

5) Tham gia ngày Hội STEM năm học 2025-2026 nhà trường có sản phẩm Pin năng lượng được Giám đốc Sở GD&ĐT Ninh Bình tặng giấy chứng nhận cho sản phẩm có chất lượng.

6) Thi TDDT có 8 HS dự thi cấp xã có 8 em đạt giải (trong đó 4 giải nhất, 3 giải nhì, 1 giải ba) toàn đoàn xếp thứ Nhất. Trong đó có 5/8 HS Tiểu học lựa chọn dự thi cấp tỉnh - Em. Nguyễn Thị Hà Linh lớp 5D đạt giải KK cấp tỉnh, Biểu dương thầy Đinh Huy Hoàng và thầy Bùi Minh Tài bồi dưỡng đội tuyển. Với KQ của các em HS và công sức của các thầy cô đã góp thành tích rất đáng tự hào cho quê hương Giao Hòa - Toàn đoàn của xã Giao Hòa xếp thứ 12/66 xã phường và xếp thứ nhất trong 7 xã miền Giao.

3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục nước ngoài hoặc chương trình GD tích hợp (Không)

A. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Công khai chi tiết nguồn NSNN 6 tháng đầu năm 2026

Nhà trường thực hiện công khai tài chính theo Thông tư số 61/2017/TT - BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT - BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Đơn vị: Trường TH Giao Lạc
Chương: 622

DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

ĐV tính: VNĐ

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	10.457.720.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	10.457.720.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	8.371.430.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.086.290.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
II	Nguồn vốn viện trợ	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
03 THÁNG NĂM 2026

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ
Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số
73/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và
hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Trường Tiểu học Giao Lạc công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi
ngân sách 03 tháng đầu năm 2026 như sau:

ĐV tính:
Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (3 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
I	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ				

	tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	10.457,72	2.937,54	28,09	144,30
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo				
-	Nhiệm vụ chuyển đổi số				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	10.457,7200	2.937,5429	28,1	144,3
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	8.371,4300	2.133,8429	25,5	107,1
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.622,0700	803,7000	49,5	1.913,6
3.3	Kinh phí tiền thưởng theo NĐ 73/2024	464,2200			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				

6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				

6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				

7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

B. Nhà trường báo cáo quyết toán thu chi các khoản đóng góp của học sinh học kỳ II năm học 2025 - 2026. Cụ thể như sau:

1. Quỹ nước uống của học sinh:

1.1. Thu: 46.900.000đ

1.2. Chi

- Chi nước sạch tháng 1,2/2026: 1.837.800đ
- Mua cốc uống nước dùng 1 lần: 22.562.200đ
- Chi trả công bảo dưỡng máy lọc nước bình đựng nước kỳ II, : 18.000.000đ

Cộng chi: 46.900.000đ

2. Quỹ vệ sinh.

2.1. Thu: 84.420.000đ

2.2. Chi

- Chi trả tiền vệ sinh lớp học (2 lđ) : 44.500.000đ
- Chi thuê lao động vệ sinh nhà vệ sinh: 22.500.000đ
- Mua dụng cụ vệ sinh, giấy vệ sinh: 17.420.000đ

Cộng: 84.420.000đ

3. Trồng coi xe đạp

3.1. Thu: 17.900.000đ

3.2. Chi:

- Chi trả tiền công trông coi xe đạp kỳ II: 17.900.000đ

VI. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Duy trì tốt nền nếp, kỷ cương, môi trường sư phạm; đảm bảo an toàn, thân thiện trong dạy và học.

Triển khai hiệu quả các phong trào thi đua và cuộc vận động lớn, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Đẩy mạnh phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong giáo dục học sinh.

Tăng cường truyền thông, quảng bá hình ảnh nhà trường; thực hiện tốt công tác tuyên truyền giáo dục.

Tổ chức các hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm sáng tạo, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh.

Trên đây là báo cáo thường niên 6 tháng đầu năm 2026

Nơi nhận:

- Website của trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



**HIỆU TRƯỞNG
TRẦN VĂN PHONG**